



Ngân hàng toàn cầu am hiểu địa phương

Biểu Phí Dịch Vụ Tài Chính Cá Nhân

A. TÀI KHOẢN VẮNG LẠI & TÀI KHOẢN AN LỢI (VND & USD)

Tài khoản mở tại HSBC Việt Nam	Miễn phí
Tài khoản đóng trong vòng 12 tháng kể từ ngày mở	550.000VND / 33USD
Số dư tối thiểu khi mở tài khoản	500.000VND / 30USD
Số dư trung bình tối thiểu trong tài khoản hàng tháng	3.000.000VND / 200USD
Phi dịch vụ nếu số dư trung bình tối thiểu hàng tháng thấp hơn quy định	100.000VND / 6USD
Phi đối với tài khoản không hoạt động trên 1 năm	165.000VND

A1. GỬI TIỀN MẶT

VND	Miễn phí	
Ngoại tệ	Tiến mệnh giá lớn (50USD hoặc tương đương trở lên)	Miễn phí
	Tiến mệnh giá nhỏ	0,022% (tối thiểu 55.000VND - tối đa 3.300.000VND)

A2. RÚT TIỀN MẶT

VND	Miễn phí
Ngoại tệ	0,22% (tối thiểu 22.000VND)

A3. BẢN SAO KẾ

Bản sao kê điện tử hàng tháng đối với khách hàng sử dụng Dịch Vụ Ngân Hàng Trực Tuyến	Miễn phí
Bản sao kê hàng tháng đối với khách hàng không sử dụng Dịch Vụ Ngân Hàng Trực Tuyến	Miễn phí
Bản in thêm	82.500VND/bản
Lưu giữ bản sao kê - nhận hàng tháng, hàng quý, 6 tháng hoặc 1 năm	110.000VND/lần
In lại bản sao kê cũ - dưới 24 tháng	82.500VND/bản
In lại bản sao kê cũ - từ 24 tháng trở lên	165.000VND/bản

A4. THẺ THANH TOÁN QUỐC TẾ HSBC

Chi Phí thường niên	Miễn phí
Chi Phí rút tiền mặt	
Tại Việt Nam:	
+ Tại máy ATM của HSBC và tại máy ATM của Techcombank	Miễn phí
+ Tại máy ATM của mạng VISA/PLUS (*)	20.000 VND/giao dịch
Tại nước ngoài:	
+ Tại máy ATM của HSBC	45.000 VND/giao dịch
+ Tại máy ATM của mạng VISA/PLUS (*)	60.000 VND/giao dịch
Chi Phí cấp lại số PIN	Miễn phí
Chi Phí in bản sao hóa đơn giao dịch	80.000 VND/bản
Chi Phí cấp lại thẻ	100.000 VND/thẻ
Chi Phí khiếu nại và yêu cầu kiểm tra	200.000 VND/trường hợp lỗi trong giao dịch là do Chủ thẻ
Chi Phí quản lý áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ	1,75% số tiền trên mỗi giao dịch

(*) Việc rút tiền mặt tại hệ thống ATM của ngân hàng khác nằm trong mạng VISA/PLUS có thể sẽ bị tính thêm một khoản phí do ngân hàng đó quy định.

A5. DỊCH VỤ NGÂN HÀNG TỰ ĐỘNG

5.1 Dịch Vụ Ngân Hàng Qua Điện Thoại	Miễn phí
5.2 Dịch Vụ Ngân Hàng Trực Tuyến	Miễn phí
Phi thay thiết bị bảo mật (mất hoặc hư hỏng)	
+ Trong nước	220.000VND
+ Nước ngoài	354.000VND

B. THẺ TÍN DỤNG HSBC

Chi Phí thường niên	Thẻ Visa Vàng	Thẻ Visa Chuẩn
+ Thẻ chính	500.000VND	300.000VND
+ Thẻ phụ	300.000VND	200.000VND
Chi Phí ứng tiền mặt tại máy ATM (cho mỗi giao dịch)	3% số tiền mặt ứng trước, tối thiểu 50.000VND.	
Khoản thanh toán tối thiểu	5% của số dư nợ cuối kỳ (tối thiểu 50.000VND) cộng với khoản nợ quá hạn và khoản vượt hạn mức tín dụng.	
Lãi suất (Lãi suất này có thể thay đổi cho phù hợp với các quy định của nhà nước)	1,875%/tháng (không áp dụng nếu không có khoản tiền mặt nào được ứng trước và toàn bộ số dư trên tài khoản được thanh toán trước ngày đáo hạn mỗi tháng)	
Chi Phí chậm thanh toán	4% khoản nợ tối thiểu (tối thiểu 50.000VND - tối đa 100.000VND)	
Chi Phí cấp lại bản sao chi tiết tài khoản	80.000VND/bản	
Chi Phí vượt hạn mức tín dụng	80.000VND	
Chi phí cấp lại thẻ (cho thẻ bị thất lạc hoặc hư hỏng)	100.000VND	
Chi Phí cấp lại số PIN	Miễn phí	
Chi Phí in bản sao biên nhận giao dịch	80.000VND/bản	
Chi Phí thay đổi hạn mức tín dụng	100.000VND/lần	
Chi Phí khiếu nại và yêu cầu kiểm tra	200.000VND trong trường hợp lỗi trong giao dịch là do Chủ Thẻ	
Chi Phí quản lý áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ	1,75% số tiền trên mỗi giao dịch	

C. TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN (VND VÀ NGOẠI TỆ-USD, EUR, GBP & AUD)

Rút tiền mặt	
+ Vào ngày đáo hạn	Miễn phí
+ Trước ngày đáo hạn (Ngân hàng sẽ tính phí rút trước kỳ hạn trong trường hợp lãi suất thị trường cho kỳ hạn còn lại cao hơn lãi suất hợp đồng ban đầu của khoản tiền Gửi có kỳ hạn)	<ul style="list-style-type: none"> Miễn phí đối với VND 0,22% (tối thiểu 22.000VND) đối với ngoại tệ. Miễn phí nếu tiền gửi này đã duy trì được 1 tháng Lãi suất được áp dụng là lãi suất của tài khoản An Lợi

D. CÁC LOẠI GIAO DỊCH CHUYỂN KHOẢN

1. Nhận tiền			
Trong nước	Ghi có vào tài khoản HSBC	Miễn phí	
Từ nước ngoài	Ghi có vào tài khoản HSBC	Miễn phí	
	Thanh toán bằng tiền mặt VND tại quầy	Miễn phí	
2. Chuyển tiền bằng điện tín (dành cho khách hàng có tài khoản tại HSBC)			
Trong nước	Giao dịch tại quầy	Dưới 500.000.000VND	0,011% (tối thiểu 27.500VND) ₊
		Từ 500.000.000VND trở lên	0,055% (tối đa 1.100.000VND)
	Ngân Hàng Trực Tuyến	0,0055% (tối thiểu 14.000VND)	
Từ nước ngoài	Giao dịch tại quầy	0,22% (tối thiểu 165.000VND - tối đa 3.300.000VND) + 258.500 telex	
		Ngân Hàng Trực Tuyến	0,165% (tối thiểu 82.500VND) 130.000VND telex
3. Phát hành hối phiếu			
Khách hàng có tài khoản tại HSBC Việt Nam		0,33% (tối thiểu 165.000VND - tối đa 3.300.000VND) + chi phí bưu điện nếu có	
4. Các loại phí khác			
Hủy bỏ / Sửa đổi Điện tin hoặc Hối phiếu		165.000VND + phí telex + chi phí phát sinh tại ngân hàng nước ngoài nếu có	
Yêu cầu tra soát		825.000VND + phí telex	
* Lưu ý: Mọi chi phí phát sinh tại các ngân hàng khác do khách hàng chi trả			

E. THU HỘ HỐI PHIẾU / SÉC

1. Phát hành bởi Ngân Hàng HSBC Việt Nam		
Trong Tp.HCM và Hà Nội	82.500VND	
Các tỉnh khác	0,22% (tối thiểu 165.000VND - tối đa 2.475.000VND)	
2. Phát hành bởi Ngân Hàng khác		
Trong Tp.HCM và Hà Nội	VND82,500	
Các tỉnh khác	82.500VND + phí bưu điện	
Chi nhánh HSBC ở nước ngoài	1,1% (tối thiểu 165.000VND) + phí bưu điện 165.000VND	

F. SÉC DU LỊCH

Đổi sang tiền mặt - Séc du lịch phát hành		Miễn phí
Đổi sang tiền mặt - Séc du lịch bởi tổ chức khác	Ghi có vào tài khoản tại HSBC Việt Nam	0,55% (tối thiểu 82.500VND)
	Khách hàng có tài khoản tại HSBC (nhận tiền mặt)	1,1% (tối thiểu 82.500VND)
	Khách hàng không có tài khoản tại HSBC	1,65% (tối thiểu 82.500VND)
Bản séc du lịch		1,65% (tối thiểu 165.000VND)

G. CÁC PHỤ PHÍ KHÁC

1. Fax	
Trong nước	55.000VND
Ngoài nước	110.000VND
2. Phát chuyển nhanh	
Trong nước	110.000VND
Ngoài nước	770.000VND
3. Cước bưu điện	
Trong nước	44.000VND
Ngoài nước	110.000VND
* Lưu ý: Tất cả các dịch vụ sẽ được tiến hành cẩn thận. Tuy nhiên, Ngân hàng sẽ không chịu trách nhiệm về mọi sự mất mát, chậm trễ, sai trái, thiếu mất hay hư hại chỉ có thể xảy ra trong quá trình	
4. Chỉ thị cố định, thường xuyên (đưa ra chỉ thị và sửa đổi)	165.000VND
5. Xác nhận của Ngân hàng: + Thông thường (từ 2 ngày làm việc trở lên) + Khẩn (trong vòng 1 ngày làm việc)	165.000VND 330.000VND
6. Phi rút tiền mặt từ 500,000,000VND trở lên trong vòng 48 tiếng kể từ lúc gửi	0,055% (tối đa 3.300.000VND)
7. Yêu cầu nhận tiền mặt trong trường hợp khẩn của khách hàng trong tập đoàn HSBC	385.000VND
8. Phi xử lý chứng từ	3.850.000VND

Phát hành bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
Phi đã bao gồm 10% thuế VAT và có thể thay đổi không báo trước
Biểu phí này được áp dụng từ 09/02/2010

Personal Banking Tariff

A. CURRENT AND SAVINGS ACCOUNT (VND & USD)

Account opening within Vietnam	Free
Account closure within 12 months of opening	VND550,000 / USD33
Minimum opening balance	VND500,000 / USD30
Minimum monthly average balance	VND3,000,000 / USD200
Service charge if average monthly balance falls below the minimum requirement	VND100,000 / USD6
Inactive account for more than 1 year penalty	VND165,000

A1. CASH DEPOSIT

VND	Free	
Foreign currency	Large denominations (above USD50 or equivalent)	Free
	Small denominations	0.022% (min VND55,000 - max VND3,300,000)

A2. CASH WITHDRAWALS

In VND	Free
In Foreign Currency	0.22% (min VND22,000)

A3. STATEMENT

Monthly e-statement for Internet Banking customer	Free
Monthly print statement for Non-Internet Banking customer	Free
Additional print copy	VND82,500/copy
Retained / hold for collection - monthly, quarterly, semi-annually or annually	VND110,000/request
Request for old print statement - below 24 months	VND82,500/copy
Request for old print statement - from and above 24 months	VND165,000/copy

A4. HSBC DEBIT CARD

Annual fee	Free
Cash withdrawal transaction fee	
In Vietnam:	
+ HSBC ATMs and Techcombank ATMs	Free
+ VISA/PLUS network (*)	VND20,000/ transaction
Overseas:	
+ HSBC ATMs	VND45,000/ transaction
+ VISA/PLUS network (*)	VND60,000/ transaction
PIN replacement fee	Free
Sales slip retrieval fee	VND80,000/copy
Card replacement fee	VND100,000/card
Dispute investigation fee	VND200,000 for dispute transaction found genuine
Administration fee applied for foreign currency transactions	1.75% of transaction amount

(*) Cash withdrawal at VISA/PLUS network might be subject to the additional charge of other banks.

A5. SELF SERVICE BANKING

5.1 PhoneBanking	Free
5.2 Internet Banking	Free
Security device replacement (lost or damaged)	
+ Within Vietnam	VND 220,000
+ Overseas	VND 354,000

B. HSBC CREDIT CARD

Annual Fee	Visa Gold	Visa Classic
+ Primary Card	VND500,000	VND300,000
+ Supplementary Card	VND300,000	VND200,000
Cash advance fee at ATMs (per transaction)	3% of cash advance amount, minimum VND50,000.	
Minimum payment due	5% of statement balance (minimum VND50,000) plus the overdue and plus the overlimit amount.	
Finance charge (The finance charge may be changed from time to time in accordance with the local regulation requirements)	1.875%/month (nil if no cash advance is used and the full statement balance is paid by due date each month.)	
Late charge	4% of minimum amount due (min VND50,000 - max VND100,000)	
Duplicate statement	VND80,000/copy	
Over credit limit fee	VND80,000	
Card replacement fee (For lost or damage)	VND100,000	
PIN re-issue fee	Free	
Sales slip retrieval fee	VND80,000/copy	
Change credit limit fee	VND100,000/request	
Dispute investigation fee	VND200,000 for dispute transaction found genuine	
Administration fee applied for foreign currency transaction	1.75% of transaction amount	

C. TIME DEPOSIT (VND & FOREIGN CURRENCIES-USD, EUR, GBP and AUD)

Cash withdrawal	
+ At maturity	Free
+ Pre-maturity (Break cost is applied when the market interest for the remaining time is higher than the original term deposit rate)	<ul style="list-style-type: none"> Free for VND 0.22% (min VND22,000) as cash withdrawal fee of foreign currencies. Free if the deposit passed one month. Interest rate of Savings Account will be applied

D. REMITTANCES

1. Inward remittances		
Inside Vietnam	Credit to account with HSBC	Free
From overseas	Credit to account with HSBC	Free
	Withdraw in VND cash at counter	Free
2. Outward remittances (for HSBC account holder)		
Inside Vietnam	Paper-based	Below VND500,000,000 0.011% (min VND27,500)
		From VND500,000,000 0.055% (max VND1,100,000)
	Internet Banking	0.0055% (min VND14,000)
Overseas	Paper-based	0.22% (min VND165,000 - max VND3,300,000) + VND258,500 telex fee
	Internet Banking	0.165% (min VND82,500) + VND130,000 telex fee
3. Demand draft issuance		
HSBC account holder		0.33% (min VND165,000 - max VND3,300,000) + postage fee if applicable
4. Other fees		
Cancellation / Amendment		VND165,000 + telex fee + overseas bank charges if any
Investigation		VND825,000 + telex fee

* **Note:** Related fees charged by other banks shall be born by customers

E. COLLECTION

1. Inward collection (instrument drawn on HSBC)	
Within HCMC and Hanoi	VND82,500
Other provinces	0.22% (min VND165,000 - max VND2,475,000)
2. Outward collection (instrument drawn on other banks)	
Drawn on banks within HCMC and Hanoi	VND82,500
Drawn on banks in other provinces	VND82,500 + postage fee
Drawn on HSBC offices overseas	1.1% (min VND165,000) + VND165,000 postage fee

F. TRAVELLERS CHEQUE (TC)

Encashment - For TC issued by HSBC		Free
Encashment - For TC issued by other parties	Credit to account at HSBC	0.55% (min VND82,500)
	Local or group's account holder	1.1% (min VND82,500)
	Non HSBC account holder	1.65% (min VND82,500)
Sell TC		1.65% (min VND165,000)

G. MISCELLANEOUS FEE

1. Fax (per page)	
Inside Vietnam	VND55,000
Overseas	VND110,000
2. Courier charges	
Inside Vietnam	VND110,000
Overseas	VND770,000
3. Postage fee	
Inside Vietnam	VND44,000
Overseas	VND110,000
* Note: While all due care will be taken, the Bank accepts no responsibility for any loss, delay, error, omission or mutilation which may occur in the delivery of any document	
4. Standing instruction (set-up and amendment)	VND165,000
5. Bank confirmation (+ Normal request (2 and above working day) + Urgent request (within 1 working day))	VND165,000
	VND330,000
6. Cash withdrawal fee for amount from and above VND500,000,000 within 48 hours from depositing	0.055% (max VND3,300,000)
7. Emergency encashment for HSBC group customer	VND385,000
8. Documentation processing fee	VND3,850,000